

Name: _____

Score: ____ / 25

QUICK CHECK – 16.02.2025**Exercise 1: Fill in the blanks with the correct words.**

exam	weed	cold	plastic	athlete
young	England	countryside	rainy	

		
1.	2.	3.
		
4.	5.	6.
		
7.	8.	9.

Exercise 2: Write the English words/phrases or Vietnamese meanings.

No.	English	Vietnamese	No.	English	Vietnamese
1	Asia (n)		9	Europe (n)	
2	(n)	thời tiết	10	(n)	cuộc sống
3	share (v)		11	(n)	chồng

4	(adj)	thú vị	12	pretty (adj)	
5	busy (adj)		13	(n)	(chất liệu) da
6	Spain (n)		14	or	
7	(n)	vợ	15	warm (adj)	
8	don't have to		16	used to + V-nguyên thể	